

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2021

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc San.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Liên và ông Y Míp Niê.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST- DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2021/QĐST – DS ngày 16 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao T – Phó Giám đốc Phòng giao dịch K, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V (Quyết định ủy quyền số 1043a/BIDV.BH ngày 22/5/2021, có mặt ).

Địa chỉ: 105 N, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X.

Địa chỉ: Thôn 4, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

( Bà X có mặt, ông H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Cao T trình bày:**

Ngày 02/10/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V – Chi nhánh B - Phòng giao dịch K ( Sau đây gọi tắt là ngân hàng) với hộ ông bà Nguyễn Văn H - Nguyễn Thị X, do bà Xuân làm đại diện, đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/739476/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho ông H và bà X vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân ( Hạn trả cuối cùng là ngày 02/9/2019), lãi suất tại thời điểm giải ngân là

11,2%/năm. Mục đích vay: Chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng đã giải ngân số tiền 170.000.000đ cho ông H và bà X theo Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số BG 629769 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/6/2012, mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X. Việc thế chấp được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 01/2016/7394760/HĐBĐ ngày 21/3/2016, và được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn vay tiền ông H và bà X chỉ mới trả được một kỳ tiền lãi với số tiền là 9.493.918đ. Còn khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến nay họ ông H vẫn chưa trả cho ngân hàng, mặc dù đã quá thời hạn trả nợ. Tính đến ngày 07/01/2021 (Ngày ngân hàng làm đơn khởi kiện) ông H và bà X còn nợ ngân hàng số tiền là 221.727.432 đồng, trong đó, tiền gốc: 170.000.000 đồng; tiền lãi là 51.727.432 đồng.

Kể từ khi ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đến nay thì ông H và bà X vẫn không trả nợ cho ngân hàng.

Do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Vì vậy ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà X phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 224.062.923đ ( Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi hai ngàn chín trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 170.000.000đ; tiền lãi là: 54.062.923đ ( Lãi trong hạn: 38.027.835đ; lãi quá hạn: 14.997.828đ; lãi của lãi: 1.037.828đ), đồng thời phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông H và bà X không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

**- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Bà công nhận bà và ông Nguyễn Văn H và ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung gia đình bà vay ngân hàng số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), về thời hạn trả nợ và tài sản thế chấp của khoản vay trên đúng như đại diện ngân hàng đã trình bày. Sau khi vay gia đình bà mới trả được số tiền lãi là 9.493.918đ. Bà công nhận hiện nay bà và ông H còn nợ ngân hàng số nợ gốc 170.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Khoản nợ này hiện nay đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi. Ngân hàng khởi kiện bà và ông H tại Tòa án là đúng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin được trả nợ dần trong thời hạn 05 năm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[ 1 ]. Về thủ tục tố tụng:**

Tại phiên tòa hôm nay đồng bị đơn là ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông H và bà X không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng với ông H và bà X là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

## **[ 2 ]. Về nội dung tranh chấp:**

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 224.062.923đ, vì cho rằng ông H và bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đồng bị đơn thống nhất nội dung ý kiến về số tiền vay, thời hạn trả nợ cũng như số nợ đã trả, vì vậy đã có căn cứ xác định như sau: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K cho ông H và bà X vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 170.000.000đ cho ông H và bà X theo Hợp đồng tín dụng.

Theo thời hạn trả nợ mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng thì tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án khoản vay của ông H và bà X đối với ngân hàng đã quá hạn trả nợ. Tuy nhiên, ông H và bà X chỉ mới trả cho ngân hàng được một kỳ tiền lãi, với số tiền là 9.493.918đ. Còn toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi phát sinh tiếp theo ông H và bà X vẫn chưa trả cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

+ Xét ý kiến của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X đề nghị được kéo dài thời hạn trả nợ trong thời gian 05 năm. Nhưng do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ và nguyên đơn không chấp nhận ý kiến của bị đơn. Nên ý kiến của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

+ Về trách nhiệm trả nợ: Theo tài liệu do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập thì ông H và bà X là người đứng tên ký kết hợp đồng tín dụng, khoản vay được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, tiền vay sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Hiện nay ông H và bà X đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 166/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16/9/2019. Tuy nhiên, khi ly hôn ông H và bà X chưa phân chia tài sản chung và thanh toán nợ chung. Vì vậy, HĐXX xác định ông H và bà X cùng có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho ngân hàng.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 224.062.923đ ( Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi hai ngàn chín trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 170.000.000đ; tiền lãi là: 54.062.923đ, đồng thời phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông H và bà X đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất. Vì vậy nếu ông H và bà X không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông H và bà X đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

**[ 3 ]. Về án phí:** Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X là thành viên thuộc hộ nghèo, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam tổng số tiền là 224.062.923đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi hai ngàn chín trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 170.000.000đ; tiền lãi là: 54.062.923đ.

Kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/739476/HĐTD ngày 02/10/2018.

Sau khi ông H và bà X trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có nghĩa vụ trả lại cho ông H và bà X giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 629769 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/6/2012, mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X.

Trường hợp ông H và bà X không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông H và bà X đã thế chấp cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp số 01/2016/7394760/HĐBĐ ngày 21/3/2016 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V số tiền 5.543.000đ (Năm triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0015268 ngày 04 tháng 02 năm 2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**BÙI NGỌC SAN**